*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**TIẾT: ……… BÀI 2**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: THU ĐIẾU - (MÙA THU CÂU CÁ)**

***(NGUYỄN KHUYẾN)***

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực đọc hiểu văn bản.

- Năng lực cảm thụ văn học:

HS viết được đoạn văn trình bày cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** HS nắm rõ kiến thức về thể thơ Đường luật và đặc điểm của thể thơ này qua bài Thu điếu của Nguyễn Khuyến.  **NV1: GV hướng dẫn HS nắm được những kiến thức về thơ Đường luật.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát bản nội dung tri thức** về thơ Đường cho hs đọc thầm trong 5 phút.  **- GV phát phiếu học tập:**  *Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về thơ Đường luật qua việc điền các thông tin vào bảng thống kê sau.*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | | ***Nguồn gốc*** |  | | ***Thể loại chính*** |  | | ***Quy tắc*** |  | | ***Ngôn ngữ*** |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV2: GV hướng dẫn HS nhận diện được những đặc điểm cơ bản của thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật qua bài Thu điếu.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Lệnh: Chép thuộc lòng bài thơ Thu điếu vào vở.**  **Câu hỏi:**   1. *Xác định thể thơ?* 2. *Bài Thu điếu viết bằng chữ Hán hay Nôm?* 3. *Trình bày luật đối thanh, cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ.* 4. *Bài thơ làm theo luật bằng hay trắc?* 5. *Em có nhận xét gì về cách gieo vần trong 2 câu đầu?* 6. *Hãy chỉ ra tác dụng của nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong 2 câu 3-4.*   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | 1. **Kiến thức cơ bản cần ghi nhớ:**   **1.Kiến thức chung về thơ Đường luật**  ***Thơ Đường luật hay thơ luật Đường*** là thuật ngữ chỉ các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật). Vì được định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc) từ năm 618 đến năm 907 nên được gọi là thơ Đường luật. Thơ Đường luật phát triển hết sức mạnh mẽ tại quê hương của nó và nhanh chóng ảnh hưởng đến nhiều quốc gia trong khu vực.  ***Thơ Đường luật*** có hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật.  ***Bài thơ Đường luật*** có hệ thống quy tắc phức tạp thể hiện ở 5 điều sau: luật, niêm, đối, vần và bố cục.  + Niêm nghĩa là dán cho dính lại. Niêm trong thơ hiểu là quy tắc sắp xếp các câu thơ trong bài dính lại với nhau về âm điệu. Các câu trong thơ Đường luật giống nhau về luật thì được gọi là những câu niêm với nhau.  Trong bài thất ngôn bát cú thì nguyên tắc niêm như sau:  Câu 1-8  Câu 2-3  Câu 4-5  Câu 6-7  + Luật thơ Đường căn cứ vào các quy định chặt chẽ về thanh trắc và thanh bằng. Thanh bằng bao gồm những *chữ không dấu hoặc thanh huyền*, thanh trắc bao gồm các dấu còn lại: *hỏi, sắc, ngã, nặng.*  *Những bài thơ thuộc loại luật bằng là những bài sử dụng thanh bằng ở chữ thứ 2 trong câu đầu tiên; ngược lại nếu chữ thứ 2 ở câu đầu mà sử dụng thanh trắc thì được gọi là thơ luật trắc. Chữ thứ 2 và chữ thứ 6 trong cùng 1 câu phải giống nhau về thanh điệu và đồng thời chữ thứ tư không được có thanh điệu giống 2 chữ kia. Để dễ nhớ người ta quy ước:*  Nhất tam ngũ bất luận  Nhị tứ lục phân minh  *( Chữ thứ 1,3,5 không cần theo luật; chữ thứ 2,4,6 phải theo luật đối âm) Nếu một câu không làm theo quy định thì bị coi là thất luật.*  *+* Thơ Đường luật đặt ra yêu cầu đối chủ yếu ở câu 3-4;5-6 đối với thể thất ngôn bát cú.( Đối thanh, đối cảnh, đối ý, đối từ loại)  ***Ngôn ngữ thơ Đường luật*** rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình.  ***Bố cục bài thơ Đường luật:***  \*Thơ thất ngôn bát cú chia làm 4 phần, mỗi phần 2 câu: (Đề, thực, luận, kết)  \*Thơ tứ tuyệt chia làm 4 phần, mỗi phần câu: (Khai, thừa, chuyển, hợp)  **2. Bài “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật (8 câu, mỗi câu 7 chữ)  - Chữ: Nôm  - Luật đối thanh trong bài thơ:  "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  B B T T T B B  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  T T B B T T B  Sóng nước theo làn hơi gợn tí  T T B B B T T  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  T B T T T B B  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  B B B T B B T  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  T T B B T T B  Tựa gối buông cần lâu chẳng được  T T B B B T T  Cá đâu đớp động dưới chân bèo"  T B T T T B B   * *Đối giữa câu 3-4; câu 5-6* * Bài thơ viết theo luật bằng (chữ thứ 2 trong câu đầu sử dụng thanh bằng ) * Gieo vần “eo” ở tiếng cuối của các câu 1,2,4,6,8. * Ngắt nhịp 4/3   \* Cách gieo vần trong 2 câu đề: Có 4 tiếng gieo vần “eo”: lạnh lẽo, trong veo, tẻo teo -> Tác dụng: miêu tả không khí lạnh lẽo và không gian nhỏ hẹp tất đặc trưng của ao chuôm vùng chiêm chũng Bắc Bộ. Hai từ có vần eo được đặt trong 1 câu thơ khiến cho cảm giác về cái lạnh và sự ngưng đọng của không gian tĩnh lặng càng trở nên tuyệt đối.  \* Nghệ thuật lấy động tả tĩnh trong 2 câu thực: Tả cái động của sóng “ hơi gợn tí” và sự chuyển động của lá “ sẽ đưa vèo” càng khắc họa rõ nét hơn cái tĩnh lặng của mùa thu làng quê Việt Nam xưa. Không gian có tĩnh lặng thì người nghe mới có thể nghe thấy những âm thanh rất nhỏ, rất khẽ ấy. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến văn bản Thu điếu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát phiếu học tập**  **PHIẾU BÀI TẬP 1** **Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi:** *"*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  Sóng nước theo làn hơi gợn tí  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo  Tựa gối buông cần lâu chẳng được  Cá đâu đớp động dưới chân bèo*"*  **Câu 1:** Bài thơ Thu điếu được viết bằng chữ gì?  A. Chữ Hán.  B. Chữ Nôm.  C. Chữ Quốc ngữ.  D. Chữ viết khác.  **Câu 2:** Thu điếu được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt.  B. Thất ngôn bát cú.  C. Thất ngôn trường thiên.  D. Thất ngôn.  **Câu 3:** Cái gì không được miêu tả trong sáu câu thơ đầu bài Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?  A. Bầu trời.  B. Tầng mây.  C. Mặt nước ao.  D. Âm thanh.  **Câu 4:** "Vắng teo" trong câu thơ "Ngõ trúc quanh co khách vắng teo" (Câu cá mùa thu - Nguyễn Khuyến) nghĩa là:  A. Rất vắng, không có hoạt động của con người.  B. Không có mặt ở nơi lẽ ra phải có mặt.  C. Vắng vẻ và thưa thớt.  D. Vắng vẻ và lặng lẽ.  **Câu 5:** Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc trong hai câu cuối bài thơ *Thu điếu?*  A. Tả cảnh ngụ tình.  B. Tăng tiến.  C. Lấy động tả tĩnh.  D. Hình ảnh ước lệ, tượng trưng.  **Câu 6:** Ý nào không có trong chủ đề của bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?  A. Nỗi niềm u hoài của nhân vật trữ tình - tác giả.  B. Tâm hồn thanh cao của tác giả.  C. Vẻ đẹp u tĩnh của cảnh vật mùa thu.  D. Những trăn trở của tác giả trong một lần đi câu cá.  **Câu 7:** Nhà thơ đã bao quát cảnh thu như thế nào?  A. Cảnh thu được đón nhận từ cao, xa đến gần, rồi lại từ gần đến cao, xa.  B. Cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao, xa rồi lại từ cao, xa trở lại gần.  C. Cảnh thu được đón nhận theo trình tự thời gian.  D. Cảnh thu được đón nhận từ không gian rộng đến không gian hẹp.  **Câu 8:** Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ là:  A. Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ.  B. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại.  C. Bài thơ cũng cho tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến: Ông bỏ lại  lối sống mưu cầu danh lợi để trở về quê sống thanh nhàn, ẩn dật.  D. Tất cả đều đúng.  **Câu 9:** Tâm trạng tác giả được thể hiện như thế nào qua hai câu thơ cuối?  A. Tác giả thấy buồn vì ngồi lâu mà không câu được cá.  B. Không gian tĩnh lặng khiến ta cảm nhận nỗi cô đơn man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.  C. Đất nước đang bị thực dân xâm lược, lòng ông không thể ung dung đi câu cá như một ẩn sĩ thực thụ.  D. Cả B và C đều đúng.  **Câu 10:** Tác dụng của cách gieo vần “eo”:  A. Góp phần diễn tả không gian bao la, rộng lớn.  B. Góp phần diễn tả không gian gần gũi.  C. Góp phần diễn tả không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng uẩn khúc của thi nhân.  D. Tất cả các đáp án trên đều sai.  **PHIẾU BÀI TẬP 2** **Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi:** “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.  Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt.  Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,  Cá đâu đớp động dưới chân bèo.”  (*Câu cá mùa thu*, Nguyễn Khuyến)  **Câu 1:** Bài thơ “Câu cá mùa thu” thực ra có phải nói chuyện câu cá hay không? Vì sao?  **Câu 2:**  Bài thơ “Câu cá mùa thu” được viết trong ngữ cảnh nào?  **Câu 3:** Cách gieo vần trong bài thơ “Câu cá mùa thu” có gì đặc biệt? Cách gieo vần ấy gợi cho ta cảm giác gì về cảnh thu và tình thu?  **Câu 4:** Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, em có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?  **Câu 5:** Nghệ thuật của “Câu cá mùa thu” có gì đặc sắc?  **Câu 6:** Lập dàn bài cho đề văn:  Phân tích bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II.LUYỆN TẬP**  **Đáp án phiếu bài tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Đáp án** | | **1** | **B** | | **2** | **B** | | **3** | **D** | | **4** | **A** | | **5** | **C** | | **6** | **D** | | **7** | **B** | | **8** | **D** | | **9** | **D** | | **10** | **C** |   **Gợi ý đáp án phiếu bài tập số 2:**  **Câu 1:** Bài thơ có nhan đề “Câu cá mùa thu” nhưng không chú ý vào việc câu cá mà chú ý đến cảnh thu: những biến đổi tinh tế của cảnh vật, để rồi từ đó thể hiện nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong lòng nhà thơ.  **Câu 2:** Bài thơ được viết trong thời gian sau khi cáo quan về ở ẩn tại quê nhà.  **Câu 3:**Cách gieo vần “eo” độc đáo, kết hợp với những từ ngữ tăng tiến gợi lên bức tranh thu rất thơ mộng rất đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ: không khí trong lành, thoáng mát yên tĩnh, vắng vẻ, đẹp nhưng buồn. Bên cạnh đó còn thấy được tình thu ẩn hiện: mội nỗi đau đời của nhân vật trữ tình.  **Câu 4:** Qua bài thơ ta thấy Nguyễn Khuyến là người vô cùng yêu thiên nhiên, sống hòa mình với thiên nhiên, một con người yêu nước thầm kín- tâm trạng buồn đau trước sự thay đổi của thời cuộc.  **Câu 5:**Ngôn ngữ giản dị, trong sáng biểu hiện thần thái của sự vật       - Cách gieo vần độc đáo.        - Hình ảnh dân dã, quen thuộc nhưng giàu sức biểu cảm.  **Câu 6: Lập dàn ý cho đề văn** |

**DÀN BÀI GỢI Ý**

|  |
| --- |
| **1, Mở bài**  - Giới thiệu tác giả Nguyễn Khuyến, chùm thơ thu 3 bài của ông, bài thơ *Câu cá mùa thu.*   - Khái quát nội dung bài thơ.    - Trích dẫn bài thơ  **2, Thân bài**  **a. Khái quát đầu**  - Mùa thu là đề tài quen thuộc của thi ca. Thơ viết về mùa thu của văn học Trung đại Việt Nam thường miêu tả cảnh đẹp vắng vẻ, úa tàn và u buồn. Cảnh thu được ghi lại một cách ước lệ tượng trưng với những nét chấm phá, chớp lấy cái hồn của tạo vật. Thu điếu của Nguyễn Khuyến cũng mang nét đặc trưng của thi pháp ấy .  - Nhưng Nguyễn Khuyến được mệnh danh là nhà thơ của làng quê Việt Nam. Gần suốt đời mình , ông gắn bó với thôn quê , hòa hợp và thấu hiểu mảnh đất quê nhà. Thế nên, cảnh vật làng quê trong thơ ông hiện lên rất chân thực, giản dị, tinh tế. Đọc *Thu điếu* , ta bắt gặp một bức tranh thu đặc trưng của vùng chiêm trũng Bắc Bộ, quê hương của nhà thơ. Đấy chính là nét mới mẻ của tác phẩm so với thi pháp truyền thống của văn học Trung đại Việt Nam.  - *Thu điếu* viết bằng chữ Nôm, làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Cảnh thu được miêu tả trong hầu hết 8 câu thơ, hình ảnh con người chỉ xuất hiện trực tiếp ở hai câu cuối bài. Cảnh trong bài vẫn là trời, nước, gió,trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi khuôn sáo thi tứ cổ điển.  **b. Phân tích**  Mục tiêu: Phân tích bài thơ để thấy bức tranh mùa thu tiêu biểu cho vùng quê Bắc Bộ.   - 6 câu đầu: là một bức tranh thu có màu sắc, đường nét, dáng hình: ao thu, nước, thuyền câu, sóng biếc, lá vàng, tầng mây, trời xanh ngắt, ngõ trúc.  → Bức tranh buồn, đẹp, tĩnh lặng, thanh bình, yên ả; nét đặc trưng của mùa thu là bầu trời và chiếc lá vàng ( Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao; Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt); ngõ trúc là đặc trưng quê hương Hà Nam.  → Tâm hồn nhạy cảm, tài năng quan sát thâu cảnh vật vào tâm hồn; từ ngữ gợi cảm, tượng hình, từ láy; nghệ thuật đối câu 3,4, vần *eo* tài tình.  → Lòng yêu thiên nhiên, hòa mình thiên nhiên, cảnh vật, gắn bó cuộc sống làng quê.   - Nhận xét của Xuân Diệu: *cái thú vị của bài* Thu điếu *là ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu rơi.*   - Hai câu cuối: người đi câu cá tư thế bất động chợt giật mình trở về thực tại; tâm sự thầm kín nặng trĩu suy tư về quê hương đất nước, về trách nhiệm của bản thân đối với quê hương đất nước, một nhân cách lớn; lòng đau đớn trước cảnh mất nước, nhà tan; lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha.  **c. Khái quát cuối**  **- Nghệ thuật**  - Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.  - Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.  **- Ý nghĩa bài thơ**  Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.  - Liên hệ bản thân: thêm yêu mùa thu quê hương, yêu thêm xóm thôn đồng nội, đất nước.  **3. Kết bài**  - Khái quát lại những nét đặc sắc về cảnh thu và tình thu trong tác phẩm.  - Đánh giá Nguyễn Khuyến là nhà thơ kiệt xuất đã chiếm một vị trí vẻ vang trong nền thơ ca cổ điển Việt Nam. |

**\* HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ**

HS hoàn thiện bài văn phân tích bài *Thu điếu* vào vở.